

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2025

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Bộ

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà L và ông Q có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2025, các ý kiến trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 25/01/1996, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, ông Q nhiều lần uống rượu về đánh bà và các con, làm cho mẹ con bà sợ hãi, tâm lý bị hoang mang, mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Hiện nay bà và ông Q đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Q có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Văn L1, sinh ngày 26/9/1996; Nguyễn Thị Kim L2, sinh ngày 05/4/2001; Nguyễn Thị Thúy L3, sinh ngày 22/12/2003 và Nguyễn Ngọc Duy Q1, sinh ngày 03/11/2005. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, đủ khả năng nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày đề ngày 20/8/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn vào ngày 25/01/1996, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã, đôi lúc ông uống rượu về không kiểm soát được bản thân nên có hành vi đánh vợ. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà L, mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con đã lớn. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà L có 04 (bốn) con chung đúng như bà L đã trình bày. Hiện các con chung của ông và bà L đã trên 18 tuổi, đủ khả năng nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Q; ngoài ra, không có yêu cầu khởi kiện nào khác. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị L khởi kiện thì bị đơn ông Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại tổ dân phố E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết

vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) ngày 25/01/1996. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Q đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà L, làm cho hôn nhân giữa bà L và ông Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù Thẩm phán và Hội đồng xét xử nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q và vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Văn L1, sinh ngày 26/9/1996; Nguyễn Thị Kim L2, sinh ngày 05/4/2001; Nguyễn Thị Thúy L3, sinh ngày 22/12/2003 và Nguyễn Ngọc Duy Q1, sinh ngày 03/11/2005. Hiện nay các con chung của bà L và ông Q đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn và trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà L phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q có 04 (bốn) con chung nhưng đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn và trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000747 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà L phải chịu.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong